

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 239/2019/DS-ST

Ngày: 03/5/2019

V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH-THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Châu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Bà Lê Thị Hoàng Liễu.

2- Bà Nguyễn Thị Ngọc Hương.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tâm- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Tấn Hải -Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 5 năm 2019, tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 37/2018/TLST-DS ngày 17 tháng 01 năm 2018 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 82/2019/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 3 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 76/2019/QĐST-DS ngày 04/4/2019 giữa các đương sự:

1. ***Nguyên đơn: Công ty Tài chính TNHH Một thành viên N;***

Địa chỉ: Phường 12, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Thanh V**, sinh năm: 1994;

Địa chỉ: Phường 8, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh (Giấy ủy quyền số: 127/QTRR.17 ngày 29/7/2018).

2. ***Bị đơn:*** Bà **Nguyễn Thị Kim X**; sinh năm: 1986;

Địa chỉ: xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn Công ty Tài chính TNHH Một thành viên N có đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Thanh V trình bày:

Ngày 28/02/2016 bà Nguyễn Thị Kim X có ký Đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng số: 20160228-70061-1643 ngày 28/02/2016 DE 000129-6512235 với Công ty Tài chính TNHH Một thành viên N (gọi tắt là Công ty tài chính) để vay số tiền 41.403.502 đồng (Bốn mươi một triệu bốn trăm lẻ ba ngàn năm trăm lẻ hai đồng), lãi suất cho vay là 3,75%/tháng, khoản tiền trả hàng tháng là 2.115.000 đồng (Hai triệu một trăm mười lăm ngàn đồng), kỳ cuối cùng trả 2.454.000 đồng (Hai triệu bốn trăm năm mươi bốn ngàn đồng). Đợt thanh toán đầu tiên của bà X bắt đầu từ ngày 01/4/2016.

Quá trình thực hiện hợp đồng bà X đã thanh toán cho Công ty tài chính được 7 kỳ với tổng số tiền là 14.805.000 đồng (Mười bốn triệu tám trăm lẻ năm ngàn đồng), trong đó tiền gốc là 4.279.087 đồng (Bốn triệu hai trăm bảy mươi chín ngàn không trăm tám mươi bảy đồng), tiền lãi là 10.525.913 đồng (Mười triệu năm trăm hai mươi lăm ngàn chín trăm mười ba đồng).

Khi Công ty tài chính khởi kiện và được Tòa án thụ lý giải quyết, bà X đã thanh toán thêm số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng).

Tại phiên tòa, ông Nguyễn Thanh V yêu cầu Tòa án buộc bà X phải thanh toán các khoản sau, bao gồm:

- Toàn bộ khoản nợ gốc còn lại: 34.124.415 đồng.
- Khoản nợ lãi đến hạn: 23.675.667 đồng.

Tổng cộng hai khoản trên là 57.800.082 đồng (Năm mươi bảy triệu tám trăm ngàn không trăm tám mươi hai đồng), trả một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim X mặc dù được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, không thể hiện ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Kim X có trách nhiệm trả cho Công ty Tài chính TNHH Một thành viên N số tiền nợ gốc và lãi tổng cộng là 57.800.082 đồng (Năm mươi bảy triệu tám trăm ngàn không trăm tám mươi hai đồng), trả một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- [1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Công ty Tài chính TNHH Một thành viên N khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Kim X thanh toán khoản nợ đã vay cùng lãi suất theo Đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng số: 20160228-70061-1643 ngày 28/02/2016 DE 000129-6512235.

Đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; Bị đơn cư trú tại địa bàn huyện Bình Chánh, theo quy định khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh có thẩm quyền giải quyết.

Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh đã thực hiện các thủ tục tổng đạt, niêm yết Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn bà Nguyễn Thị Kim X. Tại phiên tòa hôm nay bị đơn vắng mặt không có lý do và cũng không gửi văn bản cho biết ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

[2.1]. Căn cứ vào Đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng số: 20160228-70061-1643 ngày 28/02/2016 DE 000129-6512235 và Văn bản thỏa thuận v/v tắt toán hợp đồng tín dụng trước thời hạn và nhận nợ khoản vay mới ngày 28/02/2016 cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã có cơ sở xác định bà Nguyễn Thị Kim X có vay của Công ty Tài chính TNHH Một thành viên N số tiền 41.403.502 đồng (Bốn mươi một triệu bốn trăm lẻ ba ngàn năm trăm lẻ hai đồng), lãi suất cho vay là 3,75%/tháng, khoản tiền trả hàng tháng là 2.115.000 đồng (Hai triệu một trăm mười lăm ngàn đồng), kỳ cuối cùng trả 2.454.000 đồng (Hai triệu bốn trăm năm mươi bốn ngàn đồng). Đợt thanh toán đầu tiên của bà X bắt đầu từ ngày 01/4/2016.

[2.2]. Căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng thì: “Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật”.

Căn cứ văn bản thỏa thuận về việc tắt toán Hợp đồng tín dụng trước thời hạn và nhận nợ khoản vay mới ngày 28/02/2016 giữa Nguyễn Thị Kim X và Công ty Tài chính TNHH Một thành viên N thì bà X và Công ty tài chính đã thực hiện thanh lý khoản vay cũ (Theo Hợp đồng tín dụng số: 20141229-100257-0008 ngày 20/12/2014) và nhận nợ khoản vay mới (Theo Hợp đồng tín dụng số: 20160228-700061-1643 ngày 28/02/2016 DE000129-6512235). Số tiền vay trước khi khấu trừ: 41.403.502 đồng, số tiền vay thực nhận khi giải ngân: 13.800.000 đồng. Lãi suất phát sinh trên số tiền vay trước khi khấu trừ.

[2.3]. Căn cứ bảng sao kê rút tiền tài khoản do Công ty Tài chính TNHH Một thành viên N cung cấp thì ngày 01/3/2016 bà Nguyễn Thị Kim X đã rút số tiền giải ngân là 13.800.000 đồng.

[2.4]. Căn cứ lịch sử thanh toán của bà Nguyễn Thị Kim X thì bà X đã thanh toán cho Công ty Tài chính TNHH Một thành viên N được 7 kỳ với tổng số tiền là 14.805.000 đồng (Mười bốn triệu tám trăm lẻ năm ngàn đồng), trong đó tiền gốc là 4.279.087 đồng (Bốn triệu hai trăm bảy mươi chín ngàn không trăm tám mươi bảy đồng), tiền lãi là 10.525.913 đồng (Mười triệu năm trăm hai mươi lăm ngàn chín trăm mười ba đồng). Khi Công ty tài chính khởi kiện và được Tòa án thụ lý giải quyết, bà X đã thanh toán thêm số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng).

Do vậy, Công ty Tài chính đề nghị Tòa án buộc bà X phải thanh toán các khoản sau, bao gồm:

- Toàn bộ khoản nợ gốc còn lại: 34.124.415 đồng.
- Khoản nợ lãi đến hạn: 23.675.667 đồng.

Tổng cộng hai khoản trên là 57.800.082 đồng (Năm mươi bảy triệu tám trăm ngàn không trăm tám mươi hai đồng), trả một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.5]. Quá trình tố tụng, mặc dù Tòa án đã thực hiện các thủ tục tổng đạt, niêm yết Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn bà Nguyễn Thị Kim X. Tại phiên tòa hôm nay bà X vắng mặt không có lý do và cũng không gửi văn bản cho biết ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Điều này cho thấy bà X không có thiện chí trong việc thanh toán các khoản tiền còn nợ cho Công ty Tài chính TNHH Một thành viên N và không có ý thức chấp hành pháp luật.

[2.6]. Tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 có quy định: “Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc”. Bà Nguyễn Thị Kim X đã tự từ bỏ quyền được chứng minh của mình và phải chịu hậu quả theo quy định pháp luật.

[3]. Về nghĩa vụ chậm thi hành án đối với khoản nợ vay của các tổ chức tín dụng được thi hành theo Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/8/2016 và công bố theo Quyết định số 698/QĐCA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao thì: Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về

việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

[4]. Về án phí: Đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2012/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1, 4 Điều 91; khoản 2 Điều 92; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 4 Điều 91, khoản 1 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/8/2016 và công bố theo Quyết định số 698/QĐCA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Tài chính TNHH Một thành viên N đối với bà Nguyễn Thị Kim X.

Buộc bà Nguyễn Thị Kim X có trách nhiệm trả cho Công ty Tài chính TNHH Một thành viên N số tiền 57.800.082 đồng (Năm mươi bảy triệu tám trăm ngàn không trăm tám mươi hai đồng), trả một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bà Nguyễn Thị Kim X còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng số: 20160228-70061-1643 ngày 28/02/2016 DE 000129-6512235 và Văn bản thỏa thuận v/v tắt toán hợp đồng tín dụng trước thời hạn và nhận nợ khoản vay mới ngày 28/02/2016 giữa Công ty Tài chính TNHH Một thành viên N và bà Nguyễn Thị Kim X cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Công ty Tài chính TNHH Một thành viên N theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh

cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Công ty Tài chính TNHH Một thành viên N.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Kim X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.890.004 đồng (Hai triệu tám trăm chín mươi ngàn không trăm lẻ bốn đồng).

Công ty Tài chính TNHH Một thành viên N được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.541.850 đồng (Một triệu năm trăm bốn mươi một ngàn tám trăm năm mươi đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2017/0031248 ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Chánh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi Nhận:

- TAND TP. HCM;
- VKSND H.BC;
- THADS H.BC;
- Các đương sự;
- Lưu VP, Hồ sơ (...)